

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/ HNGĐ - ST
Ngày 17-9-2022
Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 26/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Kiều Việt T2**, sinh năm 1986,
Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi;
2. Bị đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1987,
Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi
Anh T2 và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn anh Kiều Việt T2 trình bày:

Anh và chị Lê Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2007. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn nên thường hay cãi nhau. Kể từ năm 2016 đến nay, anh và chị H không sống chung, mỗi người sinh sống ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Lê Thị H.

Về nuôi con: Anh và chị H có 03 người con tên là Kiều Trung T3, sinh ngày 15/10/2005, Kiều Nhất Thiên T4, sinh ngày 04/01/2008, Kiều Nhất Gia H, sinh ngày 14/8/2012, hiện 3 con đang ở với anh, khi ly hôn anh nhận tiếp tục nuôi dưỡng 3 con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại Bản tự khai bị đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Việc chị kết hôn và có con với anh T2 đúng như anh T2 trình bày. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn nên kể từ năm 2016 đến nay chị và anh T2 không sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh T2 yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn anh Kiều Việt T2.

Về nuôi con: Chị và anh T2 có 03 người con tên là Kiều Trung T3, sinh ngày 15/10/2005, Kiều Nhất Thiên T4, sinh ngày 04/01/2008, Kiều Nhất Gia H, sinh ngày 14/8/2012, hiện 3 con đang ở với anh T2, khi ly hôn chị đồng ý để anh T2 tiếp tục nuôi dưỡng 3 con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Khoản 1, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Việt T2; Về quan hệ hôn nhân: Anh T2 được ly hôn chị H; Về con chung: Giao cháu Kiều Trung T3, sinh ngày 15/10/2005, Kiều Nhất Thiên T4, sinh ngày 04/01/2008, Kiều Nhất Gia H1, sinh ngày 14/8/2012 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Kiều Việt T2 khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Lê Thị H, chị Lê Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu ở xã D, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Kiều Việt T2 và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 02 tháng 5 năm 2007, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Kiều Việt T2 có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Anh Kiều Việt T2 và chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Kiều Việt T2 và bị đơn chị Lê Thị H.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa anh Kiều Việt T2 và chị Lê Thị H đã xảy ra mâu thuẫn, anh T2 và chị H không sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh Kiều Việt T2 yêu cầu giải quyết ly hôn, chị Lê Thị H cũng đồng ý ly hôn với anh Kiều Việt T2, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T2 và chị H không còn, anh, chị không chung sống, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Kiều Việt T2 ly hôn chị Lê Thị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con: Anh Kiều Việt T2 và chị Lê Thị H có 03 người con tên là Kiều Trung T3, sinh ngày 15/10/2005, Kiều Nhất Thiên T4, sinh ngày 04/01/2008, Kiều Nhất Gia H1, sinh ngày 14/8/2012. Anh T2 và chị H đều trình bày là thời gian qua và hiện nay cháu Kiều Trung T3, Kiều Nhất Thiên T4 và Kiều Nhất Gia H1 đang được anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Cả 3 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha là anh Kiều Việt T2. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Kiều Việt T2, giao cháu Kiều Trung T3, Kiều Nhất Thiên T4 và Kiều Nhất Gia H1 cho anh Kiều Việt T2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Kiều Việt T2 không yêu cầu chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nghĩa vụ tài sản (nợ chung): Anh Kiều Việt T2 và chị Lê Thị H đều trình bày là không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản giữa anh Kiều Việt T2 và chị Lê Thị H là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Kiều Việt T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Việt T2;

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho anh Kiều Việt T2 ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con: Giao 03 người con tên là Kiều Trung T3, sinh ngày 15/10/2005, Kiều Nhất Thiên T4, sinh ngày 04/01/2008 và Kiều Nhất Gia H, sinh ngày 14/8/2012 cho anh Kiều Việt T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Kiều Việt T2 phải nộp 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001565 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Quảng Ngãi, anh Kiều Việt T2 đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận:

TÒA

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã D;
- Các đương sự; Lưu HS